

KẾ HOẠCH
Triển khai Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa
giai đoạn 2026 – 2030 của Sở Khoa học và Công nghệ

Thực hiện Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 – 2030, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành kế hoạch triển khai như sau:

I. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Chuyển đổi số là phương thức phát triển mới, là động lực trọng yếu thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và chất lượng quản trị của tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn phát triển mới; là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị.

- Phát triển chuyển đổi số phải lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và động lực của chuyển đổi số; mọi hoạt động chuyển đổi số phải hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước.

- Chuyển đổi số phải được triển khai trên nền tảng dữ liệu số thống nhất, liên thông, dùng chung, bảo đảm quản trị theo thời gian thực. Dữ liệu là tài nguyên chiến lược; hạ tầng số, nền tảng số và trí tuệ nhân tạo là hạ tầng phát triển mới của tỉnh.

- Phát triển chính quyền số theo hướng quản trị thông minh, dữ liệu hóa và AI-first Government; chuyển mạnh từ phương thức “xử lý hành chính” sang “quản trị chủ động, dự báo và phục vụ”.

- Ưu tiên sử dụng nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung; triển khai tập trung, thống nhất, liên thông từ tỉnh đến xã; bảo đảm kế thừa, kết nối đồng bộ và tránh đầu tư trùng lặp, phân tán, cục bộ.

- Phát triển chuyển đổi số phải gắn với bảo đảm chủ quyền số, an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quản trị rủi ro số; bảo đảm môi trường số an toàn, lành mạnh và bền vững.

- Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư công và huy động nguồn lực xã hội; thúc đẩy hợp tác công tư, phát huy vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp công nghệ số trong phát triển hạ tầng số, nền tảng số và dịch vụ số.

2. Tầm nhìn đến năm 2030

- Đến năm 2030, Khánh Hòa cơ bản hoàn thành xây dựng chính quyền số; hình thành mô hình quản trị thông minh dựa trên dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo; trở

thành địa phương thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Nam Trung Bộ về chuyển đổi số, kinh tế số và đổi mới sáng tạo.

- Chuyển đổi số trở thành nền tảng quan trọng thúc đẩy Khánh Hòa phát triển nhanh và bền vững; hình thành hệ sinh thái số đồng bộ phục vụ phát triển kinh tế biển, du lịch thông minh, logistics thông minh, đô thị thông minh và các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh.

- Các hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội được vận hành chủ yếu trên môi trường số; dữ liệu số trở thành tài nguyên phát triển mới; trí tuệ nhân tạo trở thành công cụ phổ biến trong quản trị công, cung cấp dịch vụ công và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội.

- Khánh Hòa trở thành đô thị biển thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo biển và kinh tế số biển có vị thế quốc gia và quốc tế.

3. Mục tiêu đến năm 2030

3.1 Mục tiêu tổng quát

- Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ, thực chất và bền vững trên tất cả các ngành, lĩnh vực; phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên nền tảng dữ liệu số, hạ tầng số và trí tuệ nhân tạo; đổi mới căn bản phương thức quản trị, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội theo hướng số hóa, thông minh và hiện đại.

- Hình thành hệ sinh thái số thống nhất, liên thông từ tỉnh đến cơ sở; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị công; thúc đẩy phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng quan trọng của GRDP tỉnh; nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và năng lực cạnh tranh của tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn phát triển mới.

- Phấn đấu đến năm 2030:

- + Khánh Hòa thuộc nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số;
- + Kinh tế số đóng góp khoảng 30-35% GRDP của tỉnh;
- + 100% hoạt động quản lý nhà nước được thực hiện trên môi trường số;
- + 100% cơ quan nhà nước vận hành trên nền tảng số và dữ liệu số;
- + Hình thành mô hình quản trị thông minh dựa trên dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo;
- + Hạ tầng số, dữ liệu số và nền tảng số trở thành hạ tầng phát triển thiết yếu của tỉnh.

3.2. Mục tiêu cụ thể

a) Chính quyền số

- Hình thành mô hình quản trị số thống nhất từ tỉnh đến xã, bảo đảm liên thông, đồng bộ và vận hành trên môi trường số.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu thời gian thực; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị công và chất lượng cung cấp dịch vụ công.

- Phát triển các nền tảng số dùng chung phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

- Từng bước triển khai trí tuệ nhân tạo trong hoạt động quản trị công, hỗ trợ ra quyết định, phân tích, dự báo và cung cấp dịch vụ công thông minh.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện hoàn toàn trực tuyến, toàn trình (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu có ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, nâng cao trải nghiệm người dùng mang tính cá nhân hóa.

- Hoàn thành việc số hóa 100% cơ sở dữ liệu ngành, triển khai xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã, nhằm tạo lập cơ sở dữ liệu phục vụ cải cách hành chính và nâng cao năng suất lao động cho cán bộ, công chức, viên chức.

b) Kinh tế số

- Phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng quan trọng của tỉnh.

- Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; phát triển doanh nghiệp công nghệ số, dịch vụ số và đổi mới sáng tạo số.

- Ưu tiên phát triển kinh tế số trong các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như du lịch, kinh tế biển, logistics, thương mại, công nghiệp công nghệ số và dịch vụ số.

- Thúc đẩy hình thành thị trường dữ liệu, dịch vụ dữ liệu và các mô hình kinh doanh số mới.

- Thúc đẩy tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt tối thiểu 20%. Hướng tới 100% hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cơ sở phân phối hiện đại trên địa bàn có lắp đặt thiết bị chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt.

- Trên 80% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử và các nền tảng giao dịch số cơ bản.

- Hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực AI, dữ liệu, phần mềm, dịch vụ số và đổi mới sáng tạo.

- Khánh Hòa thuộc nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước về thương mại điện tử và kinh tế số du lịch.

- Trên 70% cơ sở lưu trú du lịch, doanh nghiệp logistics và doanh nghiệp thương mại ứng dụng nền tảng quản trị số.

- Từng bước hình thành thị trường dữ liệu và các dịch vụ khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế số.

c) Xã hội số

- Phổ cập kỹ năng số và dịch vụ số thiết yếu cho người dân; thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, nhóm dân cư.
- Phát triển môi trường sống số an toàn, thuận tiện; thúc đẩy người dân sử dụng rộng rãi các nền tảng số trong học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh và đời sống hàng ngày.
- Nâng cao nhận thức số, văn hóa số và năng lực thích ứng số của toàn xã hội.
- 100% người dân trưởng thành có định danh số và tài khoản số phục vụ giao dịch điện tử.
- 95% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng.
- 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.
- 100% người dân có sổ sức khỏe điện tử.
- Trên 80% người dân trưởng thành có kỹ năng số cơ bản.
- Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số” thông qua các nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) hoặc các nền tảng khác, đảm bảo mọi tầng lớp nhân dân (đặc biệt tại vùng nông thôn, miền núi, hải đảo) đều được hỗ trợ tiếp cận và hình thành kỹ năng số cơ bản.
- Hình thành môi trường giáo dục số toàn diện thông qua việc hoàn thiện Hệ sinh thái giáo dục số và đưa vào vận hành mô hình “Trường học thông minh” ứng dụng AI; hoàn thành mục tiêu tích hợp 100% học bạ số trên nền tảng VNeID.

d) Hạ tầng số và dữ liệu số

- Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn, có khả năng kết nối liên thông với hạ tầng số quốc gia.
- Hình thành nền tảng dữ liệu số dùng chung toàn tỉnh phục vụ quản trị công, phát triển kinh tế số và xã hội số.
- Thúc đẩy kết nối, chia sẻ, khai thác và tái sử dụng dữ liệu trong toàn hệ thống chính trị của tỉnh.
- 100% cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh.
- 100% hệ thống thông tin, nền tảng số của tỉnh được triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây hoặc trung tâm dữ liệu hiện đại.
- 100% cơ quan nhà nước của tỉnh cung cấp dữ liệu mở (trừ dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt tiêu chuẩn phục vụ huấn luyện, phát triển các mô hình AI ứng dụng cho kinh tế số, xã hội số.
- 100% xã, phường, đặc khu có hạ tầng viễn thông băng rộng tốc độ cao.
- Phổ cập dịch vụ di động băng rộng 5G tại các khu vực đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch và các khu vực trọng điểm phát triển kinh tế.

- Từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu số phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

đ) An ninh mạng

- Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn bộ quá trình chuyển đổi số.

- Bảo đảm môi trường số an toàn, tin cậy, ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động quản trị nhà nước.

- 100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo quy định.

- 100% cơ quan nhà nước được giám sát an toàn thông tin mạng tập trung.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được phổ cập kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin cơ bản.

- Nâng cao và cải thiện liên tục năng lực giám sát, cảnh báo và ứng cứu sự cố an toàn thông tin trên phạm vi toàn tỉnh.

- Nâng cao năng lực bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm chủ quyền số và an ninh dữ liệu của tỉnh.

- Liên tục cập nhật Trung tâm giám sát và tác chiến an ninh mạng của tỉnh (SOC), đảm bảo khả năng trực vận hành giám sát 24/7 nhằm bảo vệ an ninh mạng cho các hệ thống thông tin trọng yếu.

II. NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG

Theo phụ lục đính kèm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, đơn vị thuộc Sở

- Căn cứ Kế hoạch này, chủ động rà soát, cụ thể hóa và tham mưu ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm, giai đoạn 05 năm tại cơ quan, đơn vị mình.

- Chủ trì, phối hợp triển khai đúng tiến độ các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án được phân công cụ thể tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Người đứng đầu phòng, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong công tác chỉ đạo, điều hành các nhiệm vụ chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tại phòng, đơn vị mình.

2. Phòng Chuyển đổi số

- Là cơ quan đầu mối tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược; chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược trên phạm vi toàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp, rà soát dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, tham mưu cơ quan có thẩm quyền bố trí nguồn lực theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 – 2030, quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc, các phòng, đơn vị gửi phản ánh về Phòng Chuyển đổi số tổng hợp, trình lãnh đạo Sở xem xét, chỉ đạo/.

Nơi nhận: (VBĐT)

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP (Đ).

GIÁM ĐỐC

Phạm Quốc Hoàn

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SKHCN ngày /6/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030	Chủ trì
I	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ		
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong ít nhất một khâu.	100%	- Chủ trì: Phòng Chuyển đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
2	Tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến, toàn trình (trừ hồ sơ bí mật nhà nước).	100%	- Chủ trì: Phòng Chuyển đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
3	Tỷ lệ hồ sơ công việc của các cơ quan nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số cá nhân (trừ hồ sơ mật).	100%	- Chủ trì: Phòng Chuyển đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
4	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.	100%	- Chủ trì: Phòng Chuyển đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
5	Tỷ lệ chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân.	100%	- Chủ trì: Phòng Chuyển đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.

7	Chỉ số chuyển đổi số (DTI) và Đổi mới sáng tạo (PII) của tỉnh vươn lên nhóm dẫn đầu cả nước.	Top 10	- Chủ trì: Phòng Chuyên đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
II	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ		
8	Quy mô kinh tế số chiếm tỷ trọng trong GRDP của tỉnh.	30% - 35%	- Chủ trì: Phòng Chuyên đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
9	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) sử dụng các nền tảng số.	$\geq 80\%$	- Chủ trì: Phòng Chuyên đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
10	Hình thành, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, dự án khởi nghiệp sáng tạo gắn với công nghệ số (AI, IoT, Big Data) hằng năm.	Đạt và vượt chỉ tiêu hằng năm	- Chủ trì: Phòng Chuyên đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
III	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ		
11	Tỷ lệ dân số trưởng thành trên địa bàn tỉnh có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	$\geq 70\%$	- Chủ trì: Phòng Chuyên đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
IV	PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ		
12	Tỉnh Khánh Hòa đạt mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	Cấp độ 5	- Chủ trì: Phòng Chuyên đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.

13	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu mở hoàn thành việc số hóa, cập nhật, đưa vào sử dụng và kết nối, chia sẻ với Kho dữ liệu của tỉnh, trung ương.	100%	- Chủ trì: Phòng Chuyển đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
14	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu ngành được số hóa và triển khai xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã phục vụ cải cách hành chính và nâng cao năng suất.	100%	- Chủ trì: Phòng Chuyển đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
15	Tỷ lệ cơ quan nhà nước của tỉnh mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở (trừ bí mật nhà nước) phục vụ phát triển AI ứng dụng cho kinh tế số, xã hội số.	100%	- Chủ trì: Phòng Chuyển đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
V	PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ		
16	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức của Sở được đào tạo kỹ năng số cơ bản	100%	- Chủ trì: Văn phòng; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
17	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Sở được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản	100%	- Chủ trì: Văn phòng; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
VI	HẠ TẦNG SỐ VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH MẠNG		
18	Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng dân số toàn tỉnh (ưu tiên 100% khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính).	99%	- Chủ trì: Phòng Chuyển đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
19	Tỷ lệ sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6) trên mạng Internet.	90% - 100%	- Chủ trì: Phòng Chuyển đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.

20	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung phục vụ Chính phủ số được hoàn thành và đưa vào sử dụng thống nhất.	100%	- Chủ trì: Phòng Chuyển đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.
21	Tỷ lệ các ứng dụng, nền tảng được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.	100%	- Chủ trì: Phòng Chuyển đổi số; - Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở.

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SKHCN ngày /6/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ quan/Đơn vị chủ trì	Cơ quan/Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Hoàn thiện thể chế, chính sách số (Bám sát NQ 57-NQ/TW, NQ 11/NQ-CP)			
1	Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số cấp tỉnh; Khung chiến lược dữ liệu tỉnh; Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (theo QĐ 3090/QĐ-BKHCN và QĐ 2629/QĐ-TTg).	Phòng CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026
2	Xây dựng Nghị quyết chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học; cơ chế tài chính đặc thù, đãi ngộ vượt trội phục vụ chuyển đổi số (cụ thể hóa NQ 11/NQ-CP).	Phòng CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026
3	Triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) đối với các mô hình kinh doanh, công nghệ số mới trên địa bàn tỉnh (theo QĐ 411/QĐ-TTg, NQ 11/NQ-CP).	Phòng CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026 - 2030
4	Thành lập và vận hành Quỹ phát triển khoa học công nghệ và Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh Khánh Hòa.	Phòng CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026
5	Thực hiện các thủ tục để hình thành Khu công nghiệp công nghệ số tập trung và Công viên đổi mới sáng tạo tỉnh Khánh Hòa.	Phòng CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026
II	Phát triển Hạ tầng số (Bám sát QĐ 1132/QĐ-TTg, QĐ 749/QĐ-TTg)			

6	Đầu tư xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa; Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh theo hướng điện toán đám mây kết nối Nền tảng đám mây Chính phủ <i>(theo QĐ 942/QĐ-TTg)</i> .	Phòng CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026 - 2030
7	Phát triển hạ tầng mạng di động băng rộng 5G, Internet vạn vật (IoT) bao phủ các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch; tận dụng Quỹ viễn thông công ích xóa “vùng lõm” sóng <i>(theo QĐ 1132/QĐ-TTg)</i> .	Phòng CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026 - 2030
8	Chuyển đổi đồng bộ mạng lưới, hệ thống thông tin sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6) <i>(theo QĐ 749/QĐ-TTg)</i> .	Phòng CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026 - 2030
9	Đầu tư hạ tầng wifi miễn phí tại các điểm sinh hoạt công cộng, chợ, khu du lịch chưa có hạ tầng wifi.	Phòng CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026 - 2030
III Phát triển Dữ liệu số <i>(Bám sát QĐ 142/QĐ-TTg, ND 278/2025/ND-CP)</i>				
10	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung, Cổng dữ liệu mở tích hợp, chia sẻ liên thông với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) <i>(theo QĐ 142/QĐ-TTg)</i> .	Trung tâm CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026 - 2030
11	Nâng cấp, cập nhật hệ thống GIS Khánh Hòa	Trung tâm CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026 - 2030
IV Phát triển Chính phủ số / Chính quyền số <i>(Bám sát QĐ 942/QĐ-TTg, QĐ 2629/QĐ-TTg)</i>				
12	Nghiên cứu, triển khai nền tảng Trí tuệ nhân tạo (AI), “Trợ lý ảo” hỗ trợ cán bộ công chức và phục vụ người dân, doanh nghiệp <i>(cụ thể hóa QĐ 2629/QĐ-TTg, NQ 11/NQ-CP)</i> .	Trung tâm CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026 - 2030
13	Đạt 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử; sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc <i>(theo QĐ 749/QĐ-TTg, QĐ 942/QĐ-TTg)</i> .	Phòng CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026

14	Xây dựng Nền tảng số dùng chung cấp xã đáp ứng yêu cầu chính quyền 2 cấp.	Trung tâm CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026
15	Nâng cấp Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tập trung các nhiệm vụ: Bản đồ cảnh báo ngập lụt, Ứng dụng phản ánh hiện trường, Theo dõi giải ngân đầu tư công... phục vụ quản trị dựa trên dữ liệu	Trung tâm CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026 - 2030
V Phát triển Kinh tế số (<i>Bám sát QĐ 411/QĐ-TTg, NQ 11/NQ-CP</i>)				
16	Xây dựng Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu cấp quốc gia và cấp vùng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa phục vụ phát triển hạ tầng lưu trữ	Trung tâm CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026 - 2030
17	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chuyển đổi số; thúc đẩy sử dụng Hợp đồng điện tử, Hóa đơn điện tử và các nền tảng quản trị số (<i>theo QĐ 411/QĐ-TTg</i>).	Phòng CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026 - 2030
18	Thúc đẩy kinh tế số ngành: Thành lập Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương; ứng dụng IoT, AI trong nông nghiệp, logistics và du lịch thông minh.	Phòng CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026; 2026 - 2030
VI Phát triển Xã hội số (<i>Bám sát QĐ 411/QĐ-TTg, Đề án 06</i>)				
19	Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập kỹ năng số thông qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) (<i>theo QĐ 411/QĐ-TTg, QĐ 2629/QĐ-TTg</i>).	Phòng CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026 - 2030
20	Duy trì và mở rộng hạ tầng wifi miễn phí tại các điểm sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa thôn, xã để đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận Internet.	Phòng CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026
21	Triển khai Ứng dụng tương tác phục vụ người dân (App Công dân số) làm kênh giao tiếp hợp nhất. Đẩy mạnh tích hợp các tiện ích thiết yếu	Phòng CDS	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	2026 - 2030

	(bảo hiểm, y tế, giáo dục...) lên nền tảng định danh điện tử VNeID. Hỗ trợ và cung cấp chữ ký số, chứng thư số cá nhân cho người dân trưởng thành phục vụ các giao dịch điện tử (<i>theo QĐ 942/QĐ-TTg, QĐ 411/QĐ-TTg</i>).			
VII	Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng (<i>Bám sát QĐ 964/QĐ-TTg</i>)			
22	Tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin và quản lý rủi ro đối với các hệ thống thông tin của cơ quan.	Văn phòng	Các phòng, đơn vị thuộc Sở KHCN	Hàng năm